

Số: 296 /BC-UBND

Điện Biên, ngày 25 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
GIẢI TRÌNH, BỔ SUNG LÀM RÕ MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/6/2019; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; các văn bản quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ ngành trung ương;

Căn cứ các Nghị quyết: số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; số 217/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua Báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

Thực hiện Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; văn bản số 622/BKHĐT-TH ngày 16/9/2021 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc rà soát hoàn thiện thủ tục đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Tiếp thu ý kiến tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 24/9/2021, UBND tỉnh Báo cáo giải trình, bổ sung làm rõ một số nội dung về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi hoàn thiện theo Quyết định của Chính phủ so với Kế hoạch đầu tư công đã Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 27/4/2021, với những nội dung cụ thể như sau:

I. VỀ NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Nguyên tắc chung: Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đảm bảo các nguyên tắc chung như sau:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung để khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, tránh lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; bảo đảm sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển, phù hợp quy hoạch. Chỉ bố trí vốn cho dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc thứ tự ưu tiên đối với nguồn vốn ngân sách địa phương:

Việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương ngoài việc đảm bảo theo các nguyên tắc chung nêu trên, cần đảm bảo tuân thủ theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

2.1. Bổ sung cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng.

2.2. Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý, thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Bố trí trả lãi vay, vay, phí theo lộ trình.

(2) Hoàn trả số vốn ứng trước còn lại chưa thu hồi.

(3) Vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA.

(4) Bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025.

(5) Bố trí cho các dự án trọng điểm, quan trọng của tỉnh có tính lan toả tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(6) Số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới trong giai đoạn.

2.3. Vốn xổ số kiến thiết: Ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế (bố trí 90%) và dành 10% bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

II. THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH LÀM RÕ SỰ THAY ĐỔI TỔNG VỐN ĐẦU TƯ SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 217/NQ-HĐND NGÀY 27/4/2021

1. Sự thay đổi về tổng vốn Kế hoạch đầu tư công

- Tổng vốn Kế hoạch đầu tư công đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết 217/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 là **12.561.570 triệu đồng**

- Tổng vốn Kế hoạch đầu tư công hoàn thiện theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 là **12.866.430 triệu đồng**, trong đó: Vốn Cân đối ngân sách địa phương 5.271.550 triệu đồng, vốn ngân sách trung ương là 7.594.880 triệu đồng (*chưa bao gồm vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia*).

=> Tổng vốn Kế hoạch đầu tư công sau hoàn thiện tăng: **12.866.430 - 12.561.570 triệu đồng = 304.860 triệu đồng, do:**

+ Tăng 59.000 triệu đồng vốn Ngân sách địa phương dự kiến thu từ đấu giá đất và tài sản trên đất.

+ Tăng 245.860 triệu đồng nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) bố trí cho dự án Kè sông Nậm Rốm vốn AFD (Dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên).

(cụ thể như Phụ lục 01)

2. Tổng vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và những thay đổi vốn trong các dự án

2.1. Tổng vốn ngân sách địa phương trung hạn là: 5.271.550 triệu đồng, trong đó số vốn phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 26/2020/HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh là 3.734.518 triệu đồng (*Chưa bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP*) bố trí cho các đối tượng ưu tiên như sau:

1.1. Bổ sung cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng: 1.008.369 triệu đồng (*phần 30% của 90% còn lại sau khi trừ đi dự phòng 10%*).

1.2. Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý: 2.558.149 triệu đồng, bao gồm:

1.2.1. Dự kiến bố trí trả lãi vay, vay, phí: 95.200 triệu đồng.

1.2.2. Hoàn trả số vốn ứng trước còn lại chưa thu hồi: 16.880 triệu đồng.

1.2.3. Vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 170.278 triệu đồng cho 04 dự án.

1.2.4. Bố trí cho các dự án trọng điểm: 809.967 triệu đồng cho 06 dự án (dự án GPMB và 03 dự án xây dựng các điểm tái định cư thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên; Dự án đường 60m (điều chỉnh); Dự án Đường động lực dọc QL12 và QL279).

1.2.5. Phân bổ cho các dự án theo ngành, lĩnh vực: 1.465.824 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí 219.482 triệu đồng cho 19 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí 1.204.342 triệu đồng bố trí cho các ngành, lĩnh vực.

(3). Vốn xổ số kiến thiết 168.000 triệu đồng, trong đó: 88.687 triệu đồng bố trí cho lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; 62.513 triệu đồng cho lĩnh vực y tế và 16.800 triệu đồng cho các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới (*10% vốn XSKT*).

(*Chi tiết như Biểu Kèm theo Tờ trình số ~~3179~~/TTr-UBND ngày ~~25~~ tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh*)

2.2. Chi tiết thay đổi vốn trong các dự án: Tổng số dự án có sự thay đổi tăng (giảm) là 39 dự án, với tổng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 217/NQ-HĐND là **918.395 triệu đồng** và tổng vốn đầu tư sau rà soát hoàn thiện là **918.395 triệu đồng**, trong đó:

(1) Điều chỉnh tăng 10 dự án, với số vốn là **240.780 triệu đồng**, cụ thể:

+ Các dự án bổ sung thêm 08 dự án, với số vốn tăng là 225.680 triệu đồng.

+ Các dự án cập nhật lại tổng mức đầu tư và nhu cầu vốn theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư là 02 dự án, với số vốn tăng là 15.100 triệu đồng.

(2) Điều chỉnh giảm 29 dự án với số vốn giảm là **240.780 triệu đồng**, cụ thể:

+ Các dự án sau khi rà soát điều chỉnh nguồn vốn và giảm nguồn vốn so với tình hình thực hiện là 08 dự án, với tổng vốn giảm 70.700 triệu đồng.

+ Các dự án cắt giảm là 07 dự án, với số vốn cắt giảm là 75.600 triệu đồng.

+ Các dự án cập nhật lại tổng mức đầu tư và nhu cầu vốn theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư là 9 dự án, với số vốn giảm là 30.951 triệu đồng.

+ Các dự án giảm tổng mức đầu tư để cân đối nguồn là 5 dự án, với số vốn giảm là 63.529 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01a kèm theo)

III. BÁO CÁO LÀM RÕ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (VỐN CĐNSDP)

1. Đối với phần vốn NSDP cấp tỉnh quản lý phân theo ngành lĩnh vực:

Tổng số dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 là 19 dự án, với số vốn bố trí là **219.482 triệu đồng**, bố trí dứt điểm trong các năm 2021 - 2023, trong đó: Năm 2021 là 42.102 triệu đồng, năm 2022 là 162.680 triệu đồng, năm 2023 là 14.700 triệu đồng.

- 12 dự án chuyển tiếp vẫn đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định với số vốn bố trí là 130.515 triệu đồng. Bố trí dứt điểm cho các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2021 - 2023, trong đó: Năm 2021 là 28.102 triệu đồng, năm 2022 là 94.913, năm 2023 là 7.500 triệu đồng.

- Có 07 dự án chuyển tiếp có thời gian bố trí vốn quá thời gian quy định của dự án nhóm B (5 năm) nhóm C (3 năm), cụ thể:

(1) Trường THPT Lương Thế Vinh: Thực hiện dự án từ năm 2012, đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, tuy nhiên mức vốn bố trí hàng năm còn thấp. Đến nay dự án đã hoàn thành một số hạng mục chính đưa vào sử dụng, còn một hạng mục Nhà lớp học+hiệu bộ, hạng mục phụ trợ, trang thiết bị còn lại tiếp tục đề nghị đầu tư hoàn thiện trong năm 2022-2023. Bố trí năm 2022 là 6.000 và năm 2023 là 7.200 triệu đồng

(2) Đường ra biên giới Na Cô Sa - Mốc A6. Bố trí phần vốn còn thiếu sau quyết toán. Bố trí năm 2022 là 794 triệu đồng.

(3) Dự án đường Mường Lay - Nậm Nhùn (giai đoạn 1): Bố trí phần vốn còn thiếu sau quyết toán. Bố trí năm 2022 là 2.319 triệu đồng.

(4) Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh DB: Bố trí tiếp phần vốn NSDP sau khi điều chỉnh TMĐT dự án, hoàn thành bức tranh Panaroma. Năm 2021 là 3.000 triệu đồng và năm 2022 là 14.688 triệu đồng.

(5) Hồ chứa nước Ảng Càng. Năm 2021 bố trí là 7.000 triệu đồng và năm 2022 là 24.554 triệu đồng.

(6) Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng. Bố trí năm 2022 là 9.773 triệu đồng

(7) Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang. Bố trí năm 2021 là 4.000 triệu đồng, năm 2022 là 9.696 triệu đồng.

2. Đối với phần vốn xổ số kiến thiết: Tổng số 13 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, với số vốn bố trí **34.897 triệu đồng**. Năm 2021 bố trí 30.084 triệu đồng, năm 2022 bố trí 4.813 triệu đồng.

- 12 dự án chuyển tiếp vẫn đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định. Các dự án chuyển tiếp được ưu tiên bố trí vốn dứt điểm trong năm 2021, 2022, trong đó: Năm 2021 bố trí 28.084 triệu đồng, năm 2022 bố trí 2.513 triệu đồng.

- 01 Dự án Trường THPT Lương Thế Vinh (lồng ghép với vốn CĐNSDP) có thời gian bố trí vốn quá thời gian quy định của dự án nhóm B (5 năm) như đã giải trình ở trên, bố trí 2021 là 2.000 triệu đồng, năm 2022 là 2.300 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục 02)

IV. TỔNG HỢP BÁO CÁO DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 SANG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Đối với vốn NSDP: Tổng số có 04 dự án với tổng mức đầu tư **265.000** triệu đồng, giai đoạn 2021 - 2025 bố trí **59.351** triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030 là **205.649 triệu đồng**, bằng 5,51% kế hoạch vốn NSDP của tỉnh phân bổ chi tiết trong giai đoạn 2021-2025 (3.734.518 triệu) đảm bảo trong hạn mức theo quy định tại khoản 2, Điều 89 (không quá 20%), cụ thể:

- Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản tỉnh Điện Biên (xây ở vị trí mới): TMĐT dự kiến 85.000 triệu đồng, giai đoạn 2021 -2025 bố trí 7.000 triệu đồng (thực hiện CBDT, GPMB), số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 78.000 triệu đồng.

- Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), thành phố Điện Biên Phủ: TMĐT dự kiến 45.000 triệu đồng, giai đoạn 2021 - 2025 bố trí 15.351 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 29.649 triệu đồng.

- Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xà Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà: TMĐT dự kiến 20.000 triệu đồng, giai đoạn 2021 -2025 bố trí 10.000 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 10.000 triệu đồng.

- Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé: TMĐT dự kiến 115.000 triệu đồng, giai đoạn 2021- 2025 bố trí 27.000 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 88.000 triệu đồng.

2. Đối với vốn NSTW: Tổng số có 05 dự án với tổng mức đầu tư 495.248 triệu đồng, giai đoạn 2021 - 2025 bố trí 242.625 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030 là 205.649 triệu, bằng 3,72% kế hoạch vốn NSTW (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 (6.789.720 triệu) đảm bảo trong hạn mức theo quy định tại khoản 2, Điều 89 (không quá 20%), cụ thể:

- Khoanh vùng bảo vệ, cắm mốc, giải phóng mặt bằng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các điểm di tích thuộc Di tích Chiến trường Điện Biên Phủ: TMĐT dự kiến 130.248 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí là 50.000 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 80.248 triệu đồng.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hỗ trợ xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên: TMĐT dự kiến 110.000 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí là 40.000 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 70.000 triệu đồng.

- Đường từ QL279 đi bản Mánh Đanh, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng TMĐT dự kiến 90.000 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí là 42.625 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 47.375 triệu đồng.

- Nâng cấp đường QL6 - TT xã Rạng Đông - TT xã Phình Sáng - Phảng Củ, huyện Tuần Giáo. TMĐT dự kiến 80.000 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí là 45.000 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 35.000 triệu đồng.

- Nâng cấp đường giao thông từ bản Xôm đi bản mốC C5 xã Phú Luông, huyện Điện Biên TMĐT dự kiến 85.000 triệu đồng, giai đoạn 2021-2025 bố trí là 65.000 triệu đồng, số vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 20.000 triệu đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo giải trình, bổ sung làm rõ một số nội dung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn sau khi hoàn thiện theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ so với Nghị quyết 217/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. UBND tỉnh gửi Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở: KH&ĐT, TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC 01

TỔNG HỢP KẾ SO SÁNH TĂNG GIẢM VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 GIỮA NQ 217/NQ-HĐND VÀ HOÀN THIỆN THEO QĐ 1535

(Kèm theo Báo cáo số 296 /BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Cách tính	Nội dung đã được BTV Tỉnh uỷ thông qua Và HĐND tỉnh thông qua dự thảo NQ 217/NQ-HĐND	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tăng (giảm)	Ghi chú
	Tổng số		12.561.570	12.866.430	304.860	
I	Ngân sách địa phương		5.212.550	5.271.550	59.000	
A	Tổng số vốn trung hạn 21-25		5.212.550	5.271.550	59.000	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSĐP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:		3.734.700	3.734.700	0	
1.1	Phân bổ chi tiết 90% (trong đó: Dành 30% bổ sung NS cấp huyện quản lý; 70% thuộc NS cấp tỉnh quản lý)		3.361.230	3.361.230	0	
1.2	Dự phòng 10%		373.470	373.470	0	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		1308750	1.367.750	59.000	Dự kiến thu cao hơn so với số TTg giao
1	Thu từ đấu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh theo NQ 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020		855000	914.000	59.000	Dự kiến bố trí cho dự án GPMB Sân bay (855 tỷ) và Đường 60m (59 tỷ)
2	Thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016		453.750	453.750	0	
	Trong đó:				0	
2.1	Chi đầu tư ngân sách cấp tỉnh trong CĐNSĐP		204.188	204.188	0	
2.2	Chi cấp bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất		204.188	204.188	0	
2.3	Chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định khác		45.375	45.375	0	
3	Vốn xổ số kiến thiết		168.000	168.000	0	

4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP		1.100	1.100	0	
B	Số vốn phân bổ chi tiết	1.1+2.1+3+4 (phần A)	3.734.518	3.734.518	0	
1	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý	30% (1.1 phần A)	1.008.369	1.008.369	0	
1.1	Thành phố Điện Biên Phủ	Tính theo điểm NQ 26	106.921	106.921	0	
1.2	Huyện Điện Biên	nt	130.113	130.113	0	
1.3	Huyện Tuần Giáo	nt	125.336	125.336	0	
1.4	Huyện Điện Biên Đông	nt	109.687	109.687	0	
1.5	Huyện Mường Ảng	nt	82.506	82.506	0	
1.6	Huyện Mường Nhé	nt	107.140	107.140	0	
1.7	Huyện Mường Chà	nt	103.085	103.085	0	
1.8	Huyện Tủa Chùa	nt	93.875	93.875	0	
1.9	Huyện Nậm Pồ	nt	115.441	115.441	0	
1.10	Thị xã Mường Lay	nt	34.265	34.265	0	
2	NSDP cấp tỉnh quản lý	70% (1.1) + 2.1 + 4 phần A)	2.558.149	2.558.149	-1	
2.1	Trả phí vay, lãi vay, vay...	Theo số TB dự kiến của STC	66.200	95.200	29.000	
2.2	Đối ứng các dự án ODA	Theo tổng hợp rà soát	192.158	170.278	-21.880	Giảm dự án cấp điện nông thôn
2.3	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW			16.880	16.880	Mục II.3 Biểu số 2
2.4	Các dự án trọng điểm của tỉnh		749.967	809.967	60.000	Bố trí đường 60m

2.5	Các dự án còn lại sẽ phân theo ngành/lĩnh vực		1.549.824	1.465.824	-84.001	Giảm trong các dự án theo lĩnh vực để bố trí cho mục 2.1; 2.3 và 2.4
3	<i>Xổ số kiến thiết</i>		168.000	168.000	0	
II	Vốn Ngân sách trung ương		7.349.020	7.594.880	245.860	
1	Vốn trong nước		6.789.720	6.789.720	0	
2	Vốn nước ngoài		559.300	805.160	245.860	Tăng 245.860 Tr/đ bố trí cho dự án Kè sông Nậm Rốm vốn AFD

PHỤ LỤC 01a
CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 217/HĐND
(Kèm theo Báo cáo số 296 /BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	TMDT		Số vốn theo NQ 217	Điều chỉnh				Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng		Giảm			
					Số dự án	Tăng	Số dự án	Giảm		
	Tổng số	1.821.306	1.035.816	918.395	10	240.780	29	240.780	918.395	
I	Các nội dung dự án rà soát bổ sung thêm	1.271.918	608.318	380.776	8	225.680	8	70.700	535.756	
1	Trả phí vay, lãi vay, vay...			66.200	1	29.000		0	95.200	Bổ sung trả lãi vay CT đô thị miền núi phía Bắc theo phương án trả lãi mới
2	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW				1	16.880		0	16.880	
3	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tũn)	550.000	116.000		1	60.000		0	60.000	
4	Dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện tiểu dự án Nâng cấp đường vào Khu di tích Sở Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Mường Phăng thuộc dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên	34.100	34.100		1	34.100		0	34.100	
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025	15.000	15.000		1	15.000		0	15.000	
6	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	35.000	35.000		1	35.000		0	35.000	Chuyển 2 dự án rà phá bom mìn và QH di tích từ NSTW (do

STT	Danh mục dự án	TMĐT		Số vốn theo NQ 217	Điều chỉnh				Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng		Giảm			
					Số dự án	Tăng	Số dự án	Giảm		
7	Lập Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	53.202	8.502	52.502		0	1	44.700	7.802	nhóm C k đủ điều kiện) sang NSDP và chuyển lại Lập QH tỉnh sang NSTW
8	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ	9.700	9.700		1	9.700		0	9.700	
9	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	273.016	100.116		1	26.000		0	26.000	
10	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé	60.000	60.000	51.174		0	1	5.000	46.174	Bổ sung Giai đoạn 2 dự án thủy lợi nậm khẩu hu (làm kênh tưới), điều chỉnh 26 tỷ từ các dự án do Ban QLDA các CT NN làm chủ đầu tư
11	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	62.500	50.500	32.500		0	1	3.000	29.500	
12	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Nậm Cọ, huyện Điện Biên	39.800	39.800	39.600		0	1	4.000	35.600	
13	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Nậm Ngám - Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	30.000	30.000	29.800		0	1	3.000	26.800	
14	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	39.800	39.800	39.600		0	1	4.000	35.600	
15	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	30.000	30.000	29.800		0	1	3.000	26.800	
16	Kè bảo vệ khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ Nậm Pồ	39.800	39.800	39.600		0	1	4.000	35.600	
II	Các dự án cắt giảm không đầu tư giai đoạn 2021-2025	146.990	76.000	75.600	0	0	7	75.600	0	
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	60.000	10.000	10.000		0	1	10.000		Chuyển sang đầu tư toàn bộ bằng vốn NSTW

STT	Danh mục dự án	TMĐT		Số vốn theo NQ 217	Điều chỉnh				Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng		Giảm			
					Số dự án	Tăng	Số dự án	Giảm		
2	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Mường Ảng	5.000	5.000	5.000		0	1	5.000		
3	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Tùa Chùa	5.000	5.000	5.000		0	1	5.000		
4	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Mường Chà	3.000	3.000	3.000		0	1	3.000		
5	Nâng cấp tuyến đường Tà Huổi Tráng, Đê Chu, xã Tùa Thàng, huyện Tùa Chùa	39.000	23.000	22.800		0	1	22.800		
6	Kè và đường giao thông tổ dân phố 1 phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	14.990	10.000	9.800		0	1	9.800		
7	Lát vỉa hè tuyến đường 32 m, 39 m, tuyến nhánh trung tâm huyện Mường Nhé	20.000	20.000	20.000		0	1	20.000		
III	Các dự án cập nhật lại TMĐT và nhu cầu vốn theo Quyết định CTĐT được duyet	222.398	171.498	186.949	2	15.100	9	30.951	171.098	
1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh	6.000	6.000	7.000		0	1	1.000	6.000	
2	Kho tang chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh	4.000	4.000	4.500		0	1	500	4.000	
3	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	7.000	7.000	13.800		0	1	7.000	6.800	
4	Cải tạo, sửa chữa các công trình; điểm di tích nhằm phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	20.000	20.000	30.500		0	1	10.500	20.000	

STT	Danh mục dự án	TMDT		Số vốn theo NQ 217	Điều chỉnh				Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng		Giảm			
					Số dự án	Tăng	Số dự án	Giảm		
5	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường)	40.398	20.398	22.500		0	1	2.102	20.398	
6	Cầu bê tông qua ngã ba suối dưới bản Sen Thượng xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	35.000	24.100	17.000	1	7.100		0	24.100	
7	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	39.000	39.000	31.000	1	8.000		0	39.000	
8	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	12.000	12.000	13.300		0	1	1.500	11.800	
9	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ	1.500	1.500	3.800		0	1	2.300	1.500	
10	Sân vận động huyện Tuần Giáo	44.500	24.500	30.000		0	1	5.500	24.500	
11	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)	13.000	13.000	13.549		0	1	549	13.000	
IV	Các dự án điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để cân nguồn	180.000	180.000	275.070	0	0	5	63.529	211.541	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP	45.000	45.000	25.000		0	1	9.649	15.351	
2	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xà Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà	20.000	20.000	20.000		0	1	10.000	10.000	
3	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé	115.000	115.000	45.000		0	1	18.000	27.000	

STT	Danh mục dự án	TMĐT		Số vốn theo NQ 217	Điều chỉnh				Số vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng		Giảm			
					Số dự án	Tăng	Số dự án	Giảm		
4	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên			174.070		0	1	21.880	152.190	
5	Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản tỉnh Điện Biên			11.000		0	1	4.000	7.000	CBĐT tại vị trí mới

Phụ lục số 02
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số 296 /BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025				Dự kiến bố trí			Tỷ lệ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP		Năm 2021	Năm 202	Năm 2023		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Tổng số	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
				2.354.540	727.244	1.818.439	336.855	426.186	254.379	0	2.319	72.186	167.493	14.700	0	
I	NSDP CẤP TỈNH QUẢN LÝ			2.080.780	528.710	1.665.358	235.995	352.539	219.482	0	2.319	42.102	162.680	14.700	0	
	Các dự án vẫn đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định			304.802	189.171	89.547	48.617	198.116	130.515	0	0	28.102	94.913	7.500	0	
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên		1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	3.300	3.300	11.550	9.550				9.550			LG vốn XSKT
2	Cải tạo, sửa chữa công trình Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ		881/QĐ-UBND 18/9/2019	14.100	5.000	3.100	3.100	1.900	1.900			1.900				
3	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé		1119/QĐ-UBND 30/10/2019	60.000	60.000	8.826	8.826	46.174	46.174			8.000	38.174			
4	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên		1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	30.000	18.000	29.500	29.500				29.500			
5	Đường từ bản Co Đũa – TT xã Mường Khong		1334/QĐ-UBND 9/12/2020	7.500	2.969	1.930		5.570	2.969				2.969			
6	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập, thẩm định, công bố Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2020 đến năm 2030		461/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	53.202	8.502	700	700	52.502	7.802			7.802				
7	Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên		1104/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.500	14.500	9.861	9.861	4.600	4.600			4.600				
8	Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên		310/QĐ-UBND ngày 11/4/2019; 1072/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	14.500	14.500	4.630	4.630	9.870	9.870			3.000	6.870			
9	Đường Km30 QL279 - Ngõ Cáy (kiến cổ hóa mặt đường 5,5km)		665a QĐ-UBND 8/7/2019; 908 QĐ-UBND 9/9/2020	10.050	1.050	9.000		1.050	1.050				1.050			
10	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay		1373/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	19.000	10.500			19.000	10.500				3.000	7.500		LG vốn 2085
11	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cán, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay		1374/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	13.600	3.800			13.600	3.800				3.800			LG vốn 2085
12	Nâng cấp, sửa chữa CSV, bổ sung trang trang thiết Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - LDXH tỉnh		613/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	21.000	3.000	18.200	200	2.800	2.800			2.800				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025				Dự kiến bố trí			Tỷ lệ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Năm 2021	Năm 202	Năm 2023			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Trong đó						
										Thu hồi các khoản ứng trước				Thanh toán nợ XDCB		
	Dự án bố trí vốn quá thời gian theo quy định			1.775.978	339.539	1.575.811	187.378	154.423	88.967	0	2.319	14.000	67.767	7.200	0	
1	Trường THPT Lương Thế Vinh		835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	80.770	54.949	17.500	13.200				6.000	7.200		LG vốn XSKT Đầu tư một số hạng mục Nhà lớp học+hiệu bộ hạng mục phụ trợ, trang thiết bị còn lại tiếp tục đề nghị đầu tư hoàn thiện
2	Đường ra biên giới Na Cô Sa - Mốc A6		1043/QĐ-UBND ngày 10/10/2011	46.351	11.351	45.557	10.557	794	794				794			Ct thiếu vốn sau Quyết toán
3	Dự án đường Mường Lay - Nậm Nhùn (giai đoạn I)		148/QĐ-UBND ngày 04/2/2007	862.695		848.592		2.319	2.319		2.319		2.319			Bổ trí thanh toán nợ XDCB
4	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh DB		903 QĐ-UBND 8/9/2011, 280/QĐ- UBND 10/3/2021	220.680	39.119	193.389	21.431	27.291	17.688			3.000	14.688			
5	Hồ chứa nước Ấng Càng		1487 QĐ-UB 17/03/2011; 249/QĐ-UB 06/12/2007	355.300	120.000	272.000	48.000	63.107	31.554			7.000	24.554			
6	Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng		702/QĐ-UBND 27/7/2011;413/QĐ- UBND, 04/6/2014	105.000	10.500	85.000	3.500	29.773	9.773				9.773			Bổ trí phần vốn NSTW bị thu hồi
7	Đường đạo leo núi khu du lịch Pa Khoang		301 ngày 06/4/2011; 545/QĐ UBND ngày 05/7/2018; 568/QĐ UBND ngày 16/6/2020	64.142	62.580	50.503	48.941	13.639	13.639			4.000	9.639			
II	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT			273.760	198.534	153.080	100.859	73.647	34.897	0	0	30.084	4.813	0	0	
	Các dự ns vẫn đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định			151.950	102.545	72.310	45.910	56.147	30.597	0	0	28.084	2.513	0	0	
1	Trường phổ thông DTBT THCS Tênh Phong		666/QĐ-UBND, 09/7/2019	7.000	3.902	4.598	1.500	2.400	2.400			2.400				
2	Trường phổ thông DTBT THCS Tả Phìn		499/QĐ-UBND, 04/6/2019	7.800	1.953	7.347	1.500	450	450			450				
3	Trường THCS và THPT Quyết tiến huyện Tủa Chùa		1372/QĐ-UBND, 31/12/2019; 1064/QĐ-UBND, 19/10/2020	12.000	6.750	6.750	1.500	5.240	5.240			5.240				
4	PTDTBT THCS Nậm Nhừ		1371/QĐ-UBND, 31/12/2019	14.900	3.985	12.415	1.500	2.430	2.430			2.430				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025				Dự kiến bố trí			Tỷ lệ	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Năm 2021	Năm 202			Năm 2023
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Trong đó						
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					
5	Nhà Đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THPT Mường Ảng		567/QĐ-UBND 17/7/2018	6.000	6.000	3.043	3.043	2.900	2.900			2.900				
6	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Thanh Nưa huyện Điện Biên		1070/QĐ-UBND 29/10/2019	3.300	3.300	1.120	1.120	2.180	2.180			2.180				
7	Các hạng mục phụ trợ trường THCS và THPT Quải Tở		760/QĐ-UBND 08/8/2019	6.000	4.705	3.290	2.000	2.700	2.700			2.700				
8	XD Phòng học và Hội trường Trường CĐ Sư phạm		911/QĐ-UBND 04/10/2017	17.000	17.000	12.600	12.600	4.400	4.400			2.700	1.700			
9	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ		1604/QĐ-UBND 30/10/2017; 1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	5.000	5.000	18.000	2.000			2.000				
10	Trường Mầm non xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa		993/QĐ-UBND 30/10/2018	12.600	12.600	9.160	9.160	3.084	3.084			3.084				
11	Trạm y tế Phình Sáng		1076/QĐ-UBND 29/10/2019	4.500	4.500	3.687	3.687	813	813				813			
12	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên		1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	3.300	3.300	11.550	2.000			2.000				
	Dự án bố trí vốn quá thời gian theo quy định			121.810	95.989	80.770	54.949	17.500	4.300	0	0	2.000	2.300	0	0	
1	Trường THPT Lương Thế Vinh		835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	80.770	54.949	17.500	4.300			2.000	2.300			